

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2024

"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thị Mộng Lành
- Bà Nguyễn Thanh Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970 (có mặt);
 - Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1969 (vắng mặt);
- Cùng địa chỉ: ấp XD, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1969, địa chỉ: ấp XD, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1987, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, không có đăng ký kết hôn theo quy định Nhà nước. Chị và anh Nguyễn Thanh S có 02 người con chung tên: Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/12/1989 và Nguyễn Phi Đ, sinh ngày 17/8/1992 hiện nay đã thành niên sinh sống riêng; Về tài sản chung và nợ, chị và anh Nguyễn Thanh S không có tranh chấp yêu cầu phân chia tài sản chung, chị và anh Nguyễn Thanh S không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống chị và anh

Nguyễn Thanh S sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau về vấn đề kinh tế gia đình nên chị và anh Nguyễn Thanh S đã sống ly thân từ năm 2011 nay. Chị thấy, chị và anh Nguyễn Thanh S không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S; về quan hệ con chung, hiện nay các con đã thành niên sinh sống riêng, khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Nguyễn Thanh S không có tranh chấp tài sản chung, chị cam kết không có nợ, chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Tại Đơn xin vắng mặt trong quá trình hòa giải và giải quyết vụ án ngày 09 tháng 4 năm 2024, bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày như sau:*

Anh và chị Trần Thị H không có tranh chấp gì về tài sản chung và nợ. Anh thống nhất ly hôn với chị Trần Thị H, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm: 03 Căn cước công dân tên Trần Thị H, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Phi Đ (Bản sao); Sổ hộ khẩu (Bản phô tô); Đơn xác nhận ngày 05 tháng 10 năm 2023 của chị Trần Thị H (Bản chính); 02 Giấy khai sinh Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/12/1989 và Nguyễn Phi Đ, sinh ngày 17/8/1992 (Bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của người bị kiện ngày 05 tháng 10 năm 2023 của chị Trần Thị H (Bản chính).*

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Trần Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S. Về quan hệ con chung, hiện nay các con của anh chị đã thành niên sinh sống riêng, khi ly hôn chị không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, chị và anh Nguyễn Thanh S không có tranh chấp tài sản chung, chị cam kết không có nợ, chị không yêu cầu giải quyết, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh S gửi đơn yêu cầu hòa giải và xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị H yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thanh S. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp XD, xã NA, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Thanh S biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh thì anh

Nguyễn Thanh S gửi đơn yêu cầu hòa giải và xét xử vắng mặt. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Thanh S nhưng chị Trần Thị H không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Thanh S theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh S tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1987, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi anh chị cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh S đều đồng ý ly hôn, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh S là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị Trần Thị H tự xác định, anh chị có 02 người con chung tên: Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/12/1989 và Nguyễn Phi Đ, sinh ngày 17/8/1992 hiện nay đã trưởng thành, anh Nguyễn Thanh S không có ý kiến yêu cầu gì. Khi ly hôn, chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh S thống nhất tự xác định, anh chị không có tranh chấp chia tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh S là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị H tự xác định, anh chị có 02 người con chung tên: Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 25/12/1989 và Nguyễn Phi Đ, sinh ngày 17/8/1992 hiện nay đã trưởng thành. Khi ly hôn, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thanh S thống nhất tự xác định, anh chị không có tranh chấp chia tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí: Buộc chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006576 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Trần Thị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 15/5/2024. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSV,VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo